

Phẩm 9: LỰC TÁNH BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát muốn học giới Bồ-tát, thì phải tu tín giải (tin hiểu), thường ưa cầu pháp, thường ưa thuyết pháp. Thấy người trì pháp thì sinh tâm cúng dường, như pháp mà trụ, dạy dỗ đệ tử trụ trong chánh pháp, khéo biết phương tiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tín giải? Tín hiểu Tam bảo và công đức của Tam bảo, tin Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn, tin nghĩa chân thật, tin có nhân quả, tin các chúng sinh có các thứ nghiệp và các nghiệp quả, biết phương tiện thiện và phi phương tiện, tự tin sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng tự biết đắc nghĩa. Nghĩa tức là Bồ-đề vô thượng, trí Bồ-đề, phương tiện Bồ-đề. Phương tiện tức giới Bồ-tát cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Giới Bồ-tát là khi nghe thuyết pháp tâm nhẫn tin thọ, đó là mười hai bộ kinh. Đây gọi là giới Bồ-tát.

Học giới Bồ-tát tức phải tu hai việc: Một là tâm từ. Hai là tâm tín, Bồ-tát tu tập hai pháp như vậy được tâm tín giải.

Cầu pháp là cầu việc gì? Tại sao cầu? Cầu thế nào? Cầu tức là cầu tạng Bồ-tát, tạng Thanh văn, tất cả luận thế gian, tất cả việc thế gian. Tạng Bồ-tát tức là Phương quảng, tức là một trong mười hai bộ kinh. Mười một bộ còn lại thì gọi là tạng Thanh văn. Luận thế gian có ba thứ: Một là Nhân luận. Hai là Thanh luận. Ba là Y phương luận.

Tất cả việc đời, là như vàng báu, nghề nghiệp, tất cả phương thuật. Phương thuật có năm thứ: Một là nội thuật. Hai là nhân thuật. Ba là thanh thuật. Bốn là thuật biết nhân bệnh, trị bệnh. Năm là biết tất cả việc làm.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường cầu năm phương thuật như vậy. Nội thuật tức là mười hai bộ kinh. Bồ-tát Ma-ha-tát vì hai việc nên cầu mười hai bộ kinh: Một là biết nhân quả. Hai là tạo nghiệp không mất, không làm, không thọ. Cầu Nhân luận là vì hai việc: Một là vì biết lỗi của ngoại đạo. Hai là vì phá trừ các luận sư ngoại đạo. Cầu Thanh luận cũng vì hai việc: Một là vì hiểu tất cả nghĩa của pháp giới. Hai là vì biện chính tất cả âm thanh ngôn ngữ. Cầu thuật trị bệnh là vì bốn việc: Một là biết tướng trạng của bệnh. Hai là biết nhân duyên của bệnh. Ba là biết bệnh để trừ khiến lành. Bốn là biết sau khi bệnh lành, không còn khởi lại.

Cầu mười hai bộ kinh là vì biết nhân quả. Tất cả pháp có mười thứ nhân. Nêu rõ về nhân đích thực, cùng thấu tóm tất cả nhân, hoặc sinh tử, hoặc giải thoát, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc chúng sinh, hoặc phi chúng sinh. Thế nào là mười thứ nhân? Một

là lưu bố nhân. Hai là tùng nhân. Ba là tác nhân. Bốn là nhiếp nhân. Năm là nhân tăng trưởng. Sáu là nhân chuyển. Bảy là nhân bất cộng. Tám là nhân cộng. Chín là nhân hại. Mười là nhân bất hại. Nhân lưu bố tức là nhân của các pháp, gọi là đạt được thể tướng. Do đạt được thể tướng nên có thể tuyên thuyết. Đây gọi là nhân lưu bố.

Như nhân nơi tay mà lấy, nhân nơi chân mà bước đi, nhân nơi thân mà có đi đứng nằm ngồi. Đây gọi là Tùng nhân (nhân thuận theo). Từ chủng tử mà được quả, đây gọi là tác nhân. Lìa chủng tử, từ những thứ khác mà được quả, đây gọi là Nhiếp nhân (nhân thấu tóm). Hạt giống diệt thì mầm sinh, từ mầm mà được quả, đây gọi là nhân tăng trưởng. Từ hạt giống sinh ra lúa, nhân nơi lúa mà sinh ra hạt giống, đây gọi là nhân chuyển. Tùy chỗ gieo trồng mà được quả, đây gọi là nhân bất cộng. Như đất nước gió lửa gọi là nhân cộng. Phạm bốn giới trọng, làm hại pháp thiện, đây gọi là nhân hại, như không phạm thì gọi là nhân bất hại.

Nhân hại có năm thứ: Một là thanh hại. Hai là sinh hại. Ba là bất cộng trụ hại. Bốn là oán hại. Năm là định hại. Thanh hại: cũng như luận thế gian ban đầu có tốt đẹp, sau là nói bất thiện. Lại nữa, hại như nói tất cả các pháp là vô thường, cũng như hư không. Nói tất cả thường, nghĩa là sinh già chết. Đây gọi là thanh hại.

Sinh hại như nói không nhân mà có thể sinh ra quả, hoặc có nhân mà không quả. Bất cộng trụ hại cũng như sáng, tối, tham, sân, khổ, vui. Oán hại là như rắn, sói, ngựa, trâu, mèo, chuột. Định hại như là quán bất tịnh trừ tham, tâm từ trừ sân, tâm bi trừ hại, tám Thánh đạo phần trừ tất cả kiết sử. Lại có hai nhân: Một là nhân chân thật. Hai là nhân phương tiện. Nhân chân thật tức là chủng tử, nhân phương tiện như là các duyên bên ngoài.

Nhân phương tiện có bốn thứ duyên: Một là duyên nhân. Hai là duyên thứ lớp. Ba là duyên duyên. Bốn là duyên tăng thượng. Duyên nhân là các pháp sinh ra nhân. Duyên tăng thượng nghĩa là nhân phương tiện. Duyên thứ lớp, duyên duyên nghĩa là tâm, tâm số pháp. Đây là bốn duyên. Mười nhân như trên đây làm sao để phát sinh tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, làm sao để đoạn sinh tử, thế nào là không đoạn sinh tử? Như trong thế gian các hạt giống, vì làm tăng trưởng thọ mạng mà có các danh. Đó gọi là đại mạch, tiểu mạch, đại đậu, tiểu đậu, hồ ma... Đây gọi là nhân lưu bố. Do đói khát không có khí lực, vì trừ họa cho thân này có được lực nên cầu đại mạch, tiểu mạch, cho đến hồ ma... Do thức ăn ngon mà tâm sinh tham đắm, do sinh tâm tham đắm

nên dùng phương tiện để tìm cầu, đây gọi là nhân tùng. Như hạt giống kia sinh ra quả tương tự, đây gọi là nhân tác. Như đất, nước, gió lửa, đất phân, công người..., đây gọi là nhân nhiếp (nhân thâm tóm). Từ hạt giống tăng trưởng cho đến quả, đây gọi là nhân tăng trưởng. Như hạt giống sinh ra quả, từ quả lại sinh ra nhân, đây gọi là nhân chuyển. Như lúa sinh ra lúa, đậu sinh ra đậu, đây gọi là nhân bất cộng. Như lia hạt giống rồi, từ các thứ khác mà sinh ra quả, nên gọi là nhân cộng. Như hạt giống gặp phải mưa đá, lửa cháy, chim ăn, đây gọi là nhân hại. Không bị mưa đá, lửa thiêu, chim ăn, gọi là nhân bất hại. Mười nhân như vậy, sinh ra pháp thế gian và xuất thế gian. Lại diễn nói về danh tướng hiện có của mười hai nhân duyên: Nghĩa là do vô minh duyên hành, do hành duyên thức, do thức duyên danh sắc, do danh sắc duyên sáu nhập, do sáu nhập duyên xúc, do xúc duyên thọ, do thọ duyên ái, do ái duyên thủ, do thủ duyên hữu, do hữu duyên sinh, do sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não, các khổ tụ tập. Đây gọi là nhân lưu bố. Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử, vì tham sân si nên không dứt mười hai nhân duyên, đây gọi là nhân tùng. Hiện tại ái thủ, vị lai là vô minh, đây gọi là nhân tác. Hiện tại hữu, vị lai hành, đó gọi là nhân tác. Hiện tại thức, vị lai là sinh, đó gọi là nhân tác. Hiện tại danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, vị lai sinh, lão tử. Đó gọi là nhân tác. Không gần bạn lành, không ưa nghe pháp, không suy nghĩ nghĩa, không trụ như pháp, do bốn việc này mà thâm giữ vô minh cho đến sinh, lão, tử, đó gọi là nhân thâm giữ. Do nghiệp ác mà tăng trưởng vô minh, cho đến lão tử, đó gọi là nhân tăng trưởng. Vô minh có ba hạng là thượng, trung, hạ. Hạ làm nhân cho trung, trung làm nhân cho thượng, cho đến lão tử, đây gọi là nhân chuyển. Có vô minh rơi vào địa ngục, có vô minh rơi vào ngã quỷ, có vô minh rơi vào súc sinh, đây gọi là nhân bất cộng. Tất cả chúng sinh bình đẳng cùng có mười hai nhân duyên, đây gọi là nhân cộng. Do nhân duyên vô minh nên không đầy đủ tánh, không cùng Như Lai sinh chung một nước, xa lìa bạn lành, không được nghe pháp, không suy nghĩ nghĩa, không trụ như pháp, không được tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là nhân hại. Do trừ vô minh nên tánh được đầy đủ, do tánh đầy đủ nên được cùng Như Lai sinh chung một nước, gần gũi bạn lành, được nghe chánh pháp, suy nghĩ chánh nghĩa, như pháp mà trụ, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là nhân bất hại. Do nghĩa này nên mười thứ nhân ấy sinh ra pháp thế gian.

Thế nào là mười nhân sinh ra pháp xuất thế gian? Nếu thuyết danh tướng của ba mươi bảy phẩm trợ đạo, danh tướng của Bồ-đề, cho

đến danh tướng của Niết-bàn, gọi là nhân lưu bố. Nhân nơi bốn niệm xứ mà đắc bốn chánh cần, nhân bốn chánh cần mà đắc bốn như ý túc, nhân bốn như ý túc mà đắc năm căn, nhân năm căn mà đắc năm lực, nhân năm lực mà đắc bảy giác chi, nhân bảy giác chi mà đắc tám chánh đạo, nhân tám chánh đạo mà đắc Niết-bàn, đây gọi là nhân tòng. Do vô minh diệt nên các hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sinh diệt, do sinh diệt nên lão tử diệt, do lão tử diệt nên được Niết-bàn, đây gọi là nhân tòng. Do tánh đầy đủ nên tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo nên được Niết-bàn, đây gọi là nhân tòng. Do tánh đầy đủ cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có thể sinh ra Bồ-đề, đây gọi là nhân tác. Gần gũi bạn lành, chí tâm nghe pháp, suy nghĩ ý nghĩa, như pháp mà trụ, điều phục các căn, tu tám chánh đạo đây gọi là nhân nhiếp (gồm thân). Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm hai thứ nhân cho Niết-bàn, đây gọi là nhân chuyển. Đầy đủ tánh Thanh văn đắc quả Thanh văn. Đầy đủ tánh Duyên giác, đầy đủ Phật tánh nên đắc đạo vô thượng, đây gọi là nhân bất cộng. Ba hạng như vậy cùng tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là nhân cộng. Do tánh không đầy đủ nên sinh về nơi tám nạn, không nghe pháp Phật, đây gọi là nhân hại. Phá bỏ nhân hại nên được nghe chánh pháp, đây gọi là nhân bất hại. Do nhân duyên tu tập tám chánh đạo nên được Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Phật, đây gọi là nhân tăng trưởng. Mười thứ nhân này phát sinh pháp thế gian và xuất thế gian. Hai pháp này mỗi pháp có ba đời, đó là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu nói lia mười nhân này mà lại có nhân thì không có việc ấy.

Thế nào gọi là quả? Quả có năm thứ: Một là quả báo. Hai là quả dư. Ba là quả giải thoát. Bốn là quả hiện tại. Năm là quả tăng thượng. Do pháp bất thiện nên bị quả báo trong ba đường ác. Do pháp thiện hữu lậu mà được quả báo sinh nơi cõi trời người. Đây gọi là quả báo. Do tạo ác nên ưa làm nghiệp ác, do tu thiện nên ưa tu nghiệp thiện, đây gọi là quả dư. Tu tám chánh đạo xa lìa phiền não, đây gọi là quả giải thoát, phàm phu tu đạo tuy lìa phiền não nhưng không gọi là quả giải thoát. Vì sao? Vì chẳng phải rốt ráo. Như trong hiện tại con người dùng các thứ phương tiện và sức lực để được tiền tài, đây gọi là quả hiện tại. Nhân căn, nhân thức, cho đến ý căn, ý thức, đây gọi là quả tăng thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát do biết nhân quả, tăng trưởng tác lực, tu tập ở đạo, biết

không làm, không thọ, làm không mất quả, Bồ-tát Ma-ha-tát do biết nhân quả nên cầu mười hai bộ kinh, thọ trì đọc tụng biên chép giải nói, được nghiệp lực thứ hai. Nếu có Bồ-tát không tin nghiệp nhân quả của chúng sinh, thì trọn không thể đạt được giới Bồ-tát. Tại sao Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh? Bồ-tát chí tâm niệm giới Bồ-tát, siêng năng cầu pháp Phật, cho đến một câu, một kệ, một nghĩa, nếu thấy có người thuyết pháp, liền sinh tâm cung kính ưa nghe, không khinh chê người thuyết pháp, chí tâm cung kính như nghe lời Phật. Nếu người thuyết pháp keo kiệt đối với pháp, không chịu bố thí, nên dùng tiền tài cho đến thân mạng phụng sự dâng hiến. Nếu có Bồ-tát có thể làm như vậy, thì gọi là Bồ-tát nghĩa. Nếu Bồ-tát có thể chí tâm nghe thọ, cho đến một câu, một bài kệ, một ý nghĩa, thì phiền não nhiều như ba cội đều được tiêu tan, đủ giới Bồ-tát. Lúc Bồ-tát chí tâm cầu lời Phật, vì khát ngưỡng pháp mà không tiếc thân mạng, dẫu đạp trên sắt nóng lửa dữ mà không cho đó là họa, Bồ-tát Ma-ha-tát vì một câu kệ mà còn không tiếc thân mạng, huống gì là mười hai bộ kinh, vì một câu kệ mà không tiếc thân mạng, huống gì là các tài sản vật dụng. Do nghe pháp mà thân được an lạc, sinh tâm tín sâu, được tâm nhu hòa, trực tâm chánh kiến. Thấy người thuyết pháp như thấy cha mẹ, tâm không kiêu mạn, vì chúng sinh nên chí tâm nghe pháp trọn không vì mình, vì tăng trưởng thiện căn của chúng sinh nên nghe, thọ chánh pháp, không vì lợi dưỡng. Vì chúng sinh nên thọ giới Bồ-tát, không vì tự lợi, vì chánh pháp nên không sợ nạn vua quan, đói khát, lạnh nóng, hổ lang, thú dữ, giặc cướp. Trước tự điều phục phiền não nơi các căn, sau đó nghe pháp, không nghe pháp trái thời, cung kính người thuyết pháp, tôn trọng giáo pháp. Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ giới Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát chí tâm nghe pháp? Nghe pháp có bốn: Một là chí tâm. Hai là nhất tâm. Ba là nhất thiết tâm. Bốn là thiện tâm. Đây gọi là Bồ-tát siêng cầu mười hai bộ kinh. Tại sao Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh? Vì muốn lưu hành khắp chánh pháp của chư Phật, vì muốn làm tăng trưởng pháp của chư Phật, vì muốn thế gian tin pháp Phật, vì khiến cho vô lượng chúng sinh đều đạt được đạo quả Bồ-đề vô thượng, nên Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh. Tại sao Bồ-tát cầu ở Nhân luận? Vì biết các tội lỗi của nhân luận, vì phá trừ luận tà ác của ngoại đạo, vì mở rộng phương tiện điều phục chúng sinh, vì muốn phân biệt ngữ nghĩa của Như Lai và ngữ nghĩa của thế gian, cho nên Bồ-tát cầu ở Nhân luận. Tại sao Bồ-tát cầu ở Thanh luận? Vì khiến cho lời lẽ thanh tịnh trang nghiêm, lời nói không tịnh, không thể tuyên thuyết về nghĩa sáng rõ, vì

muốn hiểu biết tất cả nghĩa, bỏ lời bất chánh, bỏ tâm kiêu mạn, trừ diệt tà kiến, vì biết phương tiện để điều phục chúng sinh, nên Bồ-tát cầu ở Thanh luận.

Tại sao Bồ-tát cầu các y phương? Vì khiến chúng sinh xa lìa bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, vì lòng thương xót, vì nhằm điều phục chúng sinh, vì sinh tâm tín, sinh tâm hoan hỷ, cho nên Bồ-tát cầu các phương thuốc.

Tại sao Bồ-tát cầu phương thuật ở thế gian? Vì có được tiền tài tạo lợi ích cho chúng sinh, vì các chúng sinh sinh tâm tín, vì biết việc đời và phá bỏ kiêu mạn, vì điều phục chúng sinh, và phá các ám chướng của tất cả pháp. Nếu có Bồ-tát không cầu năm việc như vậy, thì trọn không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành nhất thiết trí. Vì chứng đắc đạo quả ấy cho nên cầu năm việc. Bồ-tát thành tựu giới Bồ-tát, nên vì chúng sinh thuyết giảng, thuyết việc gì, thuyết thế nào, tại sao thuyết?

Thuyết việc gì tức là thuyết mười hai bộ kinh. Thuyết thế nào là thành tựu năm việc. Vì sao thuyết? Tức vì thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Thuyết có hai việc: Một là thuyết thứ lớp. Hai là thuyết thanh tịnh. Thuyết theo thứ lớp tức ban đầu thuyết bố thí, thứ đến thuyết giới cấm, sau đó thuyết sự vui nơi cõi trời, kể đến thuyết Tam-muội, kể đến thuyết thọ trì mười hai bộ kinh, suy nghĩ ý nghĩa, như pháp mà trụ. Đây gọi là thuyết theo thứ lớp. Thuyết thanh tịnh nghĩa là người ở chỗ cao, mình ở chỗ thấp, không nên thuyết pháp, ngoại trừ người kia bệnh còn người với tâm không tin, thì không nên thuyết pháp. Người không nhàm chán sinh tử không nên vì họ thuyết pháp. Người đứng trước mặt mình không nên vì họ thuyết pháp. Người che đầu không nên vì họ thuyết pháp. Người tìm tòi lỗi không nên vì họ thuyết pháp. Ngoài ra đều như trong kinh Ba-la-đề-mộc-xoa đã thuyết giảng.

Vì sao? Vì chư Phật Bồ-tát là pháp cung kính. Nếu người thuyết pháp tôn trọng giáo pháp thì người nghe cũng sinh tâm cung kính, chí tâm lắng nghe, không sinh tâm kiêu mạn, khinh lờn. Đây gọi là thuyết thanh tịnh.

Thuyết thứ lớp tức là ban đầu thuyết mười hai bộ kinh, thứ đến thuyết tất cả chúng sinh, vì hủy hoại tâm keo kiệt pháp nên không kiêu mạn, hoặc có một câu một kệ, cho đến nửa bài kệ, hoặc từ, hoặc nghĩa, hoặc thuyết pháp, thuyết nghĩa và thuyết pháp nghĩa, chỉ bày lợi ích, hoặc có lúc quở trách, hoặc có lúc nói thẳng, hoặc có lúc ví dụ, tùy theo chỗ thích ứng mà thuyết, hoặc thuyết dễ hiểu, hoặc thuyết dễ

thâm nhập, tùy chỗ ưa thích mà thuyết. Đây gọi là Bồ-tát thuyết thứ lớp. Thuyết thanh tịnh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với sự oán, ghét, không oán ghét tu tập tâm từ, được tâm từ rồi, dùng các phương tiện thuyết pháp cho người phóng dật và chúng sinh xấu ác, cho đến người bần cùng và người hưởng vui tâm sinh kiêu mạn, dùng phương tiện chỉ bày và vì họ mà thuyết pháp không vì sự khen mình chê người hoặc danh dự lợi dưỡng uống ăn của bản thân mà thuyết pháp. Đây gọi là Bồ-tát thuyết pháp thanh tịnh.

Như pháp mà trụ, nghĩa là ba nghiệp thân khẩu ý tu tập pháp thiện, suy nghĩ chân chính về ý nghĩa. Đây gọi là như pháp mà trụ.

Thế nào gọi là Bồ-tát suy nghĩ về ý nghĩa? Bồ-tát điều phục ba nghiệp thân khẩu ý, ưa ở chỗ vắng lặng, hoặc tự thọ trì, hoặc nghe nơi người khác, suy nghĩ về nghĩa đúng, không suy nghĩ nghĩa sai, chí tâm suy nghĩ về nghĩa chân thật, vì đạo Bồ-đề mà chuyên tâm suy nghĩ y theo nghĩa thật, không dựa vào văn tự suy nghĩ phân biệt đây là lời Phật, đây chẳng phải lời Phật. Xả bỏ tâm tán loạn lo sợ, suy nghĩ điều trái, tùy theo chỗ nghe mà suy nghĩ nghĩa, không theo lời nói người khác, tuy không hiểu nghĩa mà trọn không nói lời trái. Vì sao? Vì đây là cảnh giới của chư Phật. Bồ-tát Ma-ha-tát dựa nơi nghĩa không dựa nơi văn tự, có thể biết nghĩa thâm diệu của Như Lai, biết pháp, phi pháp không gì có thể động chuyển. Như vậy Bồ-tát chưa được nhãn nay đã được nhãn, chưa được Tam-muội nay được Tam-muội. Đây gọi là Bồ-tát như pháp mà trụ.

Thế nào gọi là tu tập? Tu tập có bốn thứ: Một là Xá-ma-tha (chỉ). Hai là Tỳ-bà-xá-na (quán). Ba là tu tập ái lạc. Bốn là tùy chỗ tu tập ưa trụ trong ấy.

Xá-ma-tha (chỉ) tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập bốn thiền, bốn định vô sắc, chuyên tâm nơi định có thể phá bỏ năm uẩn, do trụ nơi định nên hiểu hành chân thật, có thể liả tất cả các giác quán xấu ác, tâm không loạn, có thể suy nghĩ về ý nghĩa pháp giới trong ngoài, tùy thuận theo pháp tướng, tâm tâm số pháp an trụ nơi một duyên, đây gọi là Xá-ma-tha.

Tỳ-bà-xá-na (quán) tức là tu Xá-ma-tha, có thể quán sát pháp giới, phân biệt pháp tướng, mong cầu pháp thiện xa liả pháp ác, trí tuệ chánh kiến không điên đảo, khéo hiểu ở nghĩa. Đây gọi là Tỳ-bà-xá-na.

Tu tập ái lạc là chí tâm tu tập hai pháp như trên. Chí tâm tu là thường không phóng dật. Đây gọi là tu tập ái lạc. Ưa trụ trong chỗ tu tập tức là lúc tu Xá-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na, không nhờ phương tiện, tùy ý

mà trụ. Đây gọi là ưa trụ trong tu tập.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường tu hai pháp, cũng gọi là ưa trụ, cũng gọi là thanh tịnh, cũng gọi là thân tâm vắng lặng, cũng gọi là trí rộng lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát tu hai pháp này, được chỗ căn bản của đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát thành tựu giới Bồ-tát đắc hai pháp này, đó gọi là tu tập.

Thế nào là giáo? Giáo có tám thứ. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu Tam-muội, muốn giáo hóa chúng sinh trước phải nhập định hoặc cùng ở chung, sau đó mới có thể dùng tám pháp giáo hóa. Một là biết tâm. Hai là biết căn. Ba là thiện căn. Bốn là phiền não. Năm là đối trị. Đối trị thì người có tâm tham tức dạy pháp quán bất tịnh. Sáu là người có tâm sân dạy tu quán từ bi. Bảy là người có tâm si dạy pháp quán nhân duyên. Tám là các giác quán xấu ác dạy họ tập đếm hơi thở. Đây gọi là tám pháp, dùng các phương tiện như vậy mà giáo hóa chúng sinh, phá tâm đoạn kiến, thường kiến mà nói trung đạo, thật không tưởng tác mà tác tưởng tác, chân thật không đắc mà tác tưởng đắc, chân thật không xúc mà tác tưởng xúc, chân thật không chứng mà tác tưởng chứng. Tám việc trên có thể phá trừ vọng tưởng, kiêu mạn như vậy. Lại có ba việc: Một là tâm nếu không trụ có thể khiến trụ nơi duyên. Hai là trụ rồi có thể quán chánh pháp. Ba là biết phương tiện hay.

Nếu biết phương tiện hay, hoặc biết tâm chúng sinh, căn, thiện căn, cho đến phiền não, do đấy có thể khiến tâm tán loạn trụ ở trong duyên, phá trừ đoạn kiến và thường kiến mà thuyết pháp. Đây gọi là có thể quán chánh pháp. Do phá tâm tham nên thuyết quán bất tịnh. Do phá tâm sân hận nên thuyết quán từ bi. Do phá ngu si nên thuyết quán nhân duyên. Do phá giác quán ác nên thuyết đếm hơi thở. Đây gọi là biết phương tiện hay.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tự ở chỗ Phật hoặc chỗ Bồ-tát mà tu tám việc này, lại dùng pháp ấy giáo hóa chúng sinh, đây gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát làm thanh tịnh tám thứ diệu lực. Những gì là tám? Một là lực biết các thiên định giải thoát. Hai là lực biết căn. Ba là lực giải. Bốn là lực thế giới. Năm là lực biết đến chỗ đạo. Sáu là lực của trí tức mạng. Bảy là lực của trí sinh tử. Tám là lực của trí lậu tận.

Lại nữa, giáo hóa có năm thứ: Một là giáo hóa khiến xa lìa ác. Hai là giáo hóa tu pháp thiện. Ba là giáo hóa người phạm giới phát lồ sám hối. Bốn là giáo hóa làm ức niệm yết ma. Năm là giáo hóa người không nhận lời dạy làm yết ma tận xuất.

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng năm việc này giáo hóa chúng sinh, vì tâm

thương xót, vì tâm thanh tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu dùng tâm sân giáo hóa chúng sinh, thì không thể chứng đắc giới Bồ-tát.

Người lãnh thọ lời dạy nên như pháp mà thọ, phải cung kính chí tâm cúng dường tôn trọng như cha mẹ, như Phật Bồ-tát. Vì sao? Vì như pháp thọ nhận lời dạy, có thể mau chứng đắc Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Duyên giác, đắc Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là Bồ-tát giáo hóa.

Phương tiện hay tức là thân khẩu ý nghiệp của tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát, đều vì nhằm điều phục tất cả chúng sinh. Đây gọi là phương tiện hay. Phương tiện hay có bốn thứ: Một là bố thí. Hai là lời nói nhẹ nhàng. Ba là tạo lợi ích. Bốn là đồng nghĩa. Bồ-tát Ma-ha-tát có thể bố thí cho chúng sinh y phục, thức ăn, phòng nhà, ngọ cụ, thuốc thang, người lãnh thọ rồi sinh tâm thương mến đối với Bồ-tát, chí tâm nghe dạy, nghe rồi thọ trì, vì thọ trì nên Bồ-tát dùng lời nhẹ nhàng khen ngợi. Do khen ngợi nên người lãnh thọ hoan hỷ, do hoan hỷ nên có thể hủy hoại tâm ác, thọ trì pháp thiện, do hoại tâm ác nên Bồ-tát lại nói: Ta đã đầy đủ tín, giới, văn, bố thí, trí tuệ. Ông cũng sẽ đầy đủ. Nếu Bồ-tát không đủ năm việc này, thì không thể giáo hóa tất cả chúng sinh.

Chúng sinh cũng nói: Nếu Bồ-tát tự không đầy đủ, làm sao dạy người khác khiến họ đầy đủ? Cho nên, Bồ-tát đầy đủ năm việc, tức gọi là Bồ-tát dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh. Phương tiện tức là khéo điều phục, khéo điều phục là không xả bỏ, không thối, không chuyển. Đây gọi là phương tiện hay.

*

**